TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**22**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2022
"*Về việc ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà Đoàn Thị Huệ

- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về *"Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị U. Sinh năm 1971 (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê Văn V. Sinh năm 1964 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Cây Gõ, xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 27/12/2021 nguyên đơn bà U trình bày và yêu cầu như sau:

Bà U và ông V chung sống với nhau năm 1994, đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2005 sau đó phát sinh mâu thuẫn đến nay, nguyên nhân không hợp nhau nên thường xuyên cự cải, ông V sinh tật rượu chè, bè bạn không cùng với bà U lo làm ăn nuôi con, mỗi khi bà U nói đến thì ông V bỏ nhà đi nhiều ngày. Việc làm của ông V lập đi lập lại thời gian dài nhưng bà vẫn cố gắng nhẫn nhịn để nuôi con khôn lớn, đến thời gian này các con bà lớn, bà không thể chịu đựng cuộc sống như vợ chồng với ông V,

bà U làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà U xác định có 04 con chung: (1) Lê Thị Yến Ly, sinh ngày 25/10/1995, (2) Lê Thị Yến Dung, sinh ngày 02/12/21997, (3) Lê Công Ty, sinh ngày 10/10/2000 (4) Lê Công Duy, sinh ngày 28/8/2005. Hiện nay Yến Ly, Yến Dung, Công Ty đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết, Lê Công Duy bà đang nuôi. Khi ly hôn bà U yêu cầu được nuôi con vì Công Duy có nguyện vọng sống với bà, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Bà U xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn V ý kiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng thì ông Vũ thống nhất như ý kiến của bà U nêu ra. Ông V và bà T chung sống với nhau như vợ chồng năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Nay bà U yêu cầu được ly hôn ông V, ông không đồng ý ly hôn. Yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Ông V và và U t có 04 đưa con chung, tên, tuổi, ngày tháng năm sinh đúng như bà U trình bày. Nếu Tòa án cho bà U ly hôn với ông thì theo nguyện vọng của Công Duy sống với ai thì người đó nuôi. Nếu sống với ông thì tôi không yêu cầu bà U cấp dưỡng và ngược lại nếu con Công Duy sống với bà U thì tôi không cấp dưỡng nuôi con cùng bà U.

Về tài sản và nợ: Thống nhất không tranh chấp tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà U và ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Kiểm sát viên phát biểu*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng thì thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định theo pháp luật Tố tụng dân sự.

* *Ý kiến về giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà U và ông V chung sống với nhau năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống như vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà U có đơn khởi kiện xin ly hôn, nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông Vv là vi phạm pháp theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (*nay là Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình 2014*), căn cứ vào các Điều 14 và

Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị U và ông Lê Văn V; Về quan con chung: Bà U và ông V xác định có 04 người con chung: Lê Thị Yến Ly, sinh ngày 25/10/1995, Lê Thị Yến Dung, sinh ngày 02/12/21997, Lê Công Ty, sinh ngày 10/10/2000, Lê Công Duy, sinh ngày 28/8/2005. Hiện nay 03 người con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết, đối với cháu Lê Công Duy bà U đang nuôi. Khi ly hôn bà U yêu cầu được nuôi con (Công Duy) ông V đồng ý, việc thỏa thuận người nuôi con sau khi bà U và ông V ly hôn phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và phù hợp nguyện vọng của cháu Duy, nên đề nghị HĐXX ghi nhận; Về cấp dưỡng nuôi con, bà U và ông V thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản và nợ: Bà U và ông V xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng*:* Bà Phan Thị U và ông Lê Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống như vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà U có đơn khởi kiện xin ly hôn, xét thấy; hôn nhân giữa bà U và ông V xác lập năm 1994 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà U đối với ông V thấy rằng: Bà U và ông V đã có nhiều bất đồng xảy ra, nên bà U xác định cuộc sống như vợ chồng không thể tiếp tục vì ông V không cùng lo làm để nuôi con chung. Nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V thì căn cứ tại điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị U và ông Lê Văn V.

[3] Về quan con chung: Bà U và ông V xác định có 04 đứa con chung Hiện nay Yến Ly, Yến Dung, Công Ty đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết, đối với cháu Lê Công Duy bà U đang nuôi.

Khi ly hôn bà U yêu cầu được nuôi con Công Duy, ông V đồng ý, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và phù hợp nguyện vọng của cháu Duy, nên HĐXX chấp nhận;

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà U không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Duy, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4]Về tài sản và nợ: Bà U và ông V xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết đề nghị không xem xét.

[5] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn thep quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Út và ông Lê Văn Vũ.

[2] Về con chung: Bà U và ông V có 04 đứa con chung. Hiện nay Yến Ly, Yến Dung, Công Ty đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết, cháu Lê Công Duy, sinh ngày 28/8/2005 bà U đang nuôi. Giao cháu Lê Công Duy cho bà U tiếp tục trực tiếp nuôi con sau khibà U và ông V ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà U không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản và nợ: Bà U và ông V xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết đề nghị không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc bà Phan Thị Uphải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào 300.000đ mà bà Út tạm nộp theo biên lai 0005226 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, bà U đã nộp xong tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/4/2022)

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang.
- VKSND huyện An Minh.
- TAND tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự.
- Chi cục THADS huyện An Minh.

Lê Mỹ Huê